

Bản án số: 16/2020/DS-PT

Ngày 18 – 3 – 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Sỹ Tiên và bà Nguyễn Thị Thu Từ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh NA bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2020/QĐPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Bích T; sinh năm 1967; HKTT: xóm 5, xã SH, huyện QL, tỉnh NA; địa chỉ: nhà số 01, dãy C3, khu tập thể Pin Văn Điển, huyện TT, thành phố HN; có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Huy K - sinh năm 1975 và chị Đàm Thị L – sinh năm 1978; địa chỉ: xóm 3, xã SH, huyện QL, tỉnh NA; đều vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn là bà Phạm Thị Bích T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2018, biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Phạm Thị Bích T trình bày: Từ năm 2017 đến năm 2018, vợ chồng anh Nguyễn Huy K và chị Đàm Thị L có vay nợ và trả nợ cho bà T nhiều lần. Tính đến ngày 10/10/2018, anh Nguyễn Huy K và chị Đàm Thị L còn nợ bà T tổng số tiền là 50.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 25/12/2017 và giấy nhận tiền ghi ngày 10/10/2018. Kể từ ngày 10/10/2018 đến nay, anh K và chị L chưa trả đồng nào cho bà T. Bà T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Huy K và chị Đàm Thị L trả cho bà T số tiền vay nợ hiện đang còn là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất 20%/năm

tính từ ngày vay 25/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/11/2019 là 18.758.000 đồng, tổng cộng cả tiền nợ gốc và lãi là 68.758.000 đồng.

Tại bản tự khai, đơn trình bày và tại phiên tòa, bị đơn trình bày: Năm 2017 và năm 2018, vợ chồng anh Nguyễn Huy K - chị Đàm Thị L có vay nợ bà Phạm Thị Bích T tổng số tiền là 750.000.000 đồng, với lãi suất 4,5%; 6% có lúc là 9%/ngày và đã trả cả gốc và lãi suất gần 800.000.000 đồng. Hiện nay vợ chồng anh K - chị L còn nợ bà T số tiền 50.000.000 đồng. Bà T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh K - chị L trả 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và 18.758.000 đồng tiền lãi suất thì anh K - chị L đồng ý trả cho bà T tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, còn đối với tiền lãi suất thì do điều kiện gia đình khó khăn nên xin bà T không tính.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L đồng ý trả tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất theo giấy nhận tiền ngày cuối cùng là 10/10/2018.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh NA quyết định: “Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích T.

Buộc anh Nguyễn Huy K và chị Đàm Thị L phải trả cho bà Phạm Thị Bích T số tiền vay nợ gốc là 50.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 25/12/2017; tiền lãi tính từ ngày 10/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/11/2019 là 10.783.000 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả cả gốc và lãi là 60.783.000 đồng (Sáu mươi triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Án phí: Anh Nguyễn Huy K và chị Đàm Thị L phải nộp 3.039.000 đồng.

Bà Phạm Thị Bích T phải chịu 398.000 đồng tiền án phí phần tiền lãi suất không được chấp nhận.

Hoàn trả 1.152.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Bích T nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QL theo biên lai thu tiền số 0001919 ngày 25/02/2019. Tạm giữ 398.000 đồng tiền tạm ứng án phí để bảo đảm thi hành án

Ngoài ra Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 27/11/2019, bà Phạm Thị Bích T có đơn kháng cáo với nội dung: “Kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh NA”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Phạm Thị Bích T giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện buộc anh Nguyễn Huy K và chị Đàm Thị L phải trả tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 25/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 18.758.000 đồng, tổng cộng cả tiền nợ gốc và lãi là 68.758.000 đồng

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, điều 71, điều 72, điều 73 và điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc bị đơn là anh Nguyễn Huy K và chị Đàm Thị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm mà không có lý do, vì vậy HĐXX đã căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự và quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn; nhưng cần xem xét sửa bản án sơ thẩm đối với phần quyết định tuyên về lãi suất chậm thi hành án, bởi vì theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019: *"Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015."*

Theo đó, tại phiên tòa sơ thẩm bà T và vợ chồng bà L, ông K có thỏa thuận về mức lãi suất 20%/năm nhưng bản án quyết định người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi thi hành án kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án là chưa chính xác.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị Bích T; đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa cách tuyên về lãi suất chậm thi hành án theo hướng phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với việc vắng mặt của bị đơn là Anh Nguyễn Huy K và chị Đàm Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh K và chị L vẫn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm mà không có lý do chính đáng, vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Đối với khoản nợ gốc: Bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L, ông K phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận và chấp nhận trả nợ với số tiền gốc nêu trên. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà L, ông K trả cho bà T 50.000.000 đồng tiền nợ gốc là có cơ sở.

Về thời điểm tính lãi suất: Bà T yêu cầu vợ chồng bà L, ông K phải trả tiền lãi suất cho bà theo giấy vay tiền ngày 25/12/2017, quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng hai bên đã chốt nợ (BL 49) và xuất trình giấy nhận tiền đề ngày 10/10/2018 với nội dung "vợ chồng bà L, ông K trả nợ cho cô L 150.000.000 đồng; Số tiền còn lại 50.000.000 đồng L K khát lại một tháng sau trả, nếu L K không thực hiện trả đủ 50.000.000 đồng thì cô T có quyền đòi lại bất cứ khi nào và tính lãi suất như đã thỏa thuận" có ông Nguyễn Huy Thân làm chứng và xác nhận của UBND xã SH, huyện QL. Như vậy trong giấy nhận tiền cũng chỉ ghi nếu không trả đúng hạn thì tính lãi suất theo thỏa thuận là 20% nhưng không ghi là tính từ thời điểm nào, do đó khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phải tính nghĩa vụ chịu lãi suất tình từ thời điểm chốt nợ. Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng bà L, ông K chỉ chấp nhận trả lãi kể từ ngày chốt nợ theo giấy nhận tiền ngày 10/10/2018. Căn cứ vào tài liệu có tại hồ sơ vụ án đương sự không xuất trình được giấy vay nợ nào có khoản vay 200.000.000 đồng, bà T thừa nhận khi vay thì viết giấy từng lần đến ngày 10/10/2018 thì tính tổng số nợ. Cũng theo bà L thì khi trả tiền nợ gốc mới ghi vào giấy còn việc tính tiền lãi được hai bên thỏa thuận thống nhất không ghi vào giấy nhận nợ. Bà T cho rằng mỗi lần vợ chồng bà L, ông K trả lãi thì bà có ghi giấy nhưng trả đến đâu xong thì hủy giấy đó và vợ chồng bà L, ông K chưa trả lãi suất cho bà theo giấy nhận nợ ngày 25/12/2017 với số tiền 50.000.000 đồng, tuy nhiên các bên đều thừa nhận giữa bà L và bà T nhiều lần lập hợp đồng vay tiền, bà T không chứng minh được số tiền chốt nợ ngày 10/10/2018 chính là khoản vay của ngày 25/12/2017 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hạn tính lãi suất căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 10/10/2018 là có cơ sở; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T về việc xác định thời điểm tính lãi suất là ngày 25/12/2017

Đối với tiền lãi suất: Tại phiên tòa sơ thẩm bà T và vợ chồng bà L, ông K thỏa thuận thống nhất mức lãi suất 20%/năm và không thỏa thuận hay yêu cầu lãi suất quá hạn đối với số tiền 50.000.000 đồng, do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà L, ông K chịu mức lãi suất 20%/năm là phù hợp.

Đối với lãi suất chậm thi hành án: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy

định: "Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015."

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T và vợ chồng bà L, ông K có thỏa thuận về mức lãi suất 20%/năm nhưng bản án sơ thẩm quyết định người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi thi hành án kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án là chưa chính xác.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị Bích T, cần sửa Bản án sơ thẩm về phần quyết định tuyên lãi suất chậm trả.

[3] Đối với nội dung bà T cho rằng sau bà T không được đọc Biên bản phiên tòa dân sự sơ thẩm và chưa giao bản án cho bà T: Căn cứ vào tài liệu có tại hồ sơ vụ án thì thể hiện tại biên bản phiên tòa có chữ ký của bà T vào từng trang biên bản và ký họ tên đầy đủ vào cuối biên bản phiên tòa nên việc khiếu nại của bà T về việc không được đọc Biên bản phiên tòa là không có căn cứ.

Theo tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện ngày 11/12/2019, Tòa án nhân dân huyện QL mới giao bản án và lập biên bản giao nhận bản án cho bà T là có vi phạm về thời hạn giao nhận bản án cho đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; mặc dù việc này chưa làm ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của bà T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

- Đối với việc bà T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu bồi thường cho bà T khi bà T yêu cầu: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại phiên tòa sơ thẩm bà T có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải bồi thường tổn thất về danh dự, tinh thần do bị thiệt hại là 15.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định rằng việc bà T bổ sung yêu cầu khởi kiện nhưng bà T không có tài liệu nào chứng minh yêu cầu khởi kiện bổ sung với lý do sự việc của bà T đang được bà T yêu cầu UBND xã SH giải quyết nên không có hồ sơ cung cấp cho Tòa án. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích cho bà T được biết về vấn đề này và hướng dẫn cho bà T có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác là đúng quy định.

Hơn nữa căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: "1. Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu."

Như vậy nội dung bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm của bà T đã vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ để không chấp nhận việc khởi kiện bổ sung, yêu cầu thu thập chứng cứ của bà T là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị Bích T; sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên lãi suất chậm thi hành án.

Áp dụng: Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích T.

Buộc anh Nguyễn Huy K và chị Đàm Thị L phải trả cho bà Phạm Thị Bích T số tiền vay nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 25/12/2017 và Giấy nhận tiền ngày 10/10/2018, tiền lãi suất tính từ ngày 10/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/11/2019) là 10.783.000 đồng (Mười triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng). Tổng số tiền cả gốc và lãi phải trả là 60.783.000 đồng (Sáu mươi triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Huy K và chị Đàm Thị L phải chịu 3.039.000 (Ba triệu, không trăm, ba mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Bích T phải chịu 398.000 (Ba trăm chín mươi tám nghìn) đồng án phí đối với phần tiền lãi suất không được chấp nhận.

Hoàn trả số tiền 1.152.000 (Một triệu, một trăm năm mươi hai nghìn) đồng tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Bích T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QL, tỉnh NA theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001919 ngày 25/02/2019.

Bà Phạm Thị Bích T không phải án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Bích T số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng là tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QL, tỉnh NA theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004294 ngày 11/12/2019.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện QL;
- Chi cục THADS huyện QL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Ngọc Sơn